

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC -
VINACOMIN**

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 5
2. Báo cáo kiểm toán	6 - 7
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	8 - 10
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách	12
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13
- Thuyết minh báo cáo tài chính	14 - 35



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên - VVMI (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên - VVMI tiền thân là Nhà máy xi măng La Hiên, được chuyển đổi cổ phần hóa theo quyết định số 2228/QĐ-HDQT ngày 19/9/2007 của Chủ tịch hội đồng quản trị Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4600422240 đăng ký lần đầu ngày 01/01/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên lần lượt chứng nhận tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 3, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 21/05/2014.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 4600422240 lần 03 ngày 21/05/2014, vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 VND được chia thành 10.000.000 cổ phần, danh sách cổ đông sáng lập như sau:

TT	Tên cổ đông	Số vốn góp (VND)	Tỷ lệ
1	Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc	51.383.000.000	51,38%
2	Công ty CP Chứng khoán Đông Nam Á	1.000.000.000	1,00%
3	Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam	7.000.000.000	7,00%
4	Các cổ đông khác	40.617.000.000	40,62%
	Cộng	100.000.000.000	100%

2. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc của Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

Họ và tên:	Chức vụ:
- Ông Ngô Ngọc Sơn	Chủ tịch
- Ông Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên
- Ông Phạm Mạnh Tiến	Ủy viên
- Bà Lê Thị Thu Hiền (i)	Ủy viên
- Ông Trần Việt Cường	Ủy viên
- Ông Nông Nhật Ba	Ủy viên (Không điều hành từ ngày 25/01/2014)

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên - VVMI ngày 10/04/2014, bà Lê Thị Thu Hiền là thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2013 - 2018.

MACT
CÔNG
SÁCH NHƯ
KIỂM MÚ
C VI
CHI NI
HÀ N
XU

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Ban Giám đốc:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Văn Dũng	Giám đốc
- Ông Lê Bá Chức	Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Tập	Phó Giám đốc
- Ông Vũ Ngọc Bách	Phó Giám đốc
- Ông Bùi Xuân Hồng	Phó Giám đốc
- Ông Nông Nhật Ba	Phó Giám đốc (Không điều hành từ ngày 25/01/2014)

Ban Kiểm soát:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Nguyễn Hồng Hạnh	Trưởng ban
- Ông Lê Đại Dương	Ủy viên
- Ông Nguyễn Xuân Hậu	Ủy viên

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

4. Hoạt động chính

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất xi măng, đá vôi và thạch cao; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã được đăng ký.

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

8. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

9. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 03 năm 2015

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Dũng

Số: 586/2015/BCKT-AFCHN

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên - VVMI

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên - VVMI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên - VVMI được lập ngày 15 tháng 03 năm 2015 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 8 đến trang 35 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên - VVMI chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên - VVMI có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên - VVMI, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Đại diện cho Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam

Nguyễn Hồng Quang

Phó Giám đốc chi nhánh Hà Nội

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
0576-2013-009-1

Trần Đình Dũng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
1788-2013-009-1



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		74.441.029.223	105.296.039.102
Tiền và tương đương tiền	110	5.1	1.409.479.223	8.699.845.609
Tiền	111		1.409.479.223	8.699.845.609
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.690.291.353	31.339.998.618
Phải thu khách hàng	131		22.473.402.830	30.800.039.220
Trả trước cho người bán	132		132.832.000	5
Các khoản phải thu khác	135	5.2	476.056.332	742.984.202
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(391.999.809)	(203.024.809)
Hàng tồn kho	140	5.3	50.293.565.930	63.026.375.371
Hàng tồn kho	141		50.293.565.930	63.026.375.371
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		47.692.717	2.229.819.504
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	2.178.931.787
Tài sản ngắn hạn khác	158		47.692.717	50.887.717
Chi sự nghiệp			-	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		541.076.657.571	590.128.775.227
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		528.097.541.950	580.796.316.999
TSCĐ hữu hình	221	5.4	510.092.130.339	561.833.026.751
- Nguyên giá	222		919.215.955.541	928.966.730.382
- Giá trị khấu hao lũy kế	223		(409.123.825.202)	(367.133.703.631)
TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
TSCĐ vô hình	227	5.5	17.577.748.766	18.298.207.480
- Nguyên giá	228		21.458.340.973	21.458.340.973
- Giá trị khấu hao lũy kế	229		(3.880.592.207)	(3.160.133.493)
Chi phí XDCB dở dang	230	5.6	427.662.845	665.082.768
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		12.979.115.621	9.332.458.228
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	12.780.506.107	9.198.453.303
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268	5.8	198.609.514	134.004.925
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		615.517.686.794	695.424.814.329

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
NỢ PHẢI TRẢ	300		506.680.578.487	596.246.631.134
Nợ ngắn hạn	310		241.427.821.142	120.367.574.018
Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	97.750.000.000	79.950.000.000
Phải trả người bán	312		104.508.959.669	28.485.892.693
Người mua trả tiền trước	313		2.812.442.588	238.061.545
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	8.854.011.818	2.053.024.505
Phải trả người lao động	315		11.634.621.745	6.429.176.092
Chi phí phải trả	316	5.11	1.275.694.610	2.324.903.831
Phải trả nội bộ	317		886.059.451	538.391.586
Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng XD	318		-	-
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	10.771.838.308	325.221.615
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.934.192.953	22.902.151
Nợ dài hạn	320		265.252.757.345	475.879.057.116
Phải trả dài hạn người bán	331		24.000.000.000	149.682.518.716
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334	5.13	241.252.757.345	326.196.538.400
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		108.837.108.307	99.178.183.195
Vốn chủ sở hữu	410	5.14	108.837.108.307	99.178.183.195
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		464.476.156	464.476.156
Quỹ đầu tư phát triển	417		8.372.632.151	3.963.346.758
Quỹ dự phòng tài chính	418		-	3.146.199.336
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		-	(8.395.839.055)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		615.517.686.794	695.424.814.329

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		3.720.000	3.720.000
Ngoại tệ các loại (USD)		459,06	215,05
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Thái Nguyên ngày 15 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thu Hoài

Lê Thị Thu Hiền

Nguyễn Văn Dũng

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	02	6.1	575.306.633.936	584.026.934.391
2 Các khoản giảm trừ			-	-
3 Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung	10	6.2	575.306.633.936	584.026.934.391
4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.3	493.813.958.756	496.932.989.427
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		81.492.675.180	87.093.944.964
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	32.774.615	618.772.511
7 Chi phí tài chính	22	6.5	30.954.584.493	41.504.207.796
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		30.167.353.738	39.400.724.457
8 Chi phí bán hàng	24		7.436.227.132	30.701.777.960
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		17.971.040.165	16.657.336.787
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		25.163.598.005	(1.150.605.068)
11 Thu nhập khác	31		6.574.293.724	5.753.599.012
12 Chi phí khác	32		4.851.244.709	3.050.060.081
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.723.049.015	2.703.538.931
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.886.647.020	1.552.933.863
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	4.280.521.106	-
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		22.606.125.914	1.552.933.863
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	2.261	155

Thái Nguyên ngày 15 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thu Hoài

Lê Thị Thu Hiền

Nguyễn Văn Dũng

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số còn phải nộp năm trước chuyển qua	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp cuối năm
A	B	1	2	3	4= 1 + 2 - 3
Thuế	10	2.016.249.775	25.602.382.527	21.117.367.712	6.501.264.590
Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	1.850.675.872	20.267.539.084	19.106.224.638	3.011.990.318
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12	-	-	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	13	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	14	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15	-	4.312.443.606	907.025.252	3.405.418.354
Thuế tài nguyên	16	51.814.976	897.606.738	870.597.685	78.824.029
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	17	-	198.097.027	198.097.027	-
Các khoản thuế khác	18	113.758.927	(73.303.928)	35.423.110	5.031.889
Thuế môn bài		-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế TNCN		113.758.927	(76.303.928)	32.423.110	5.031.889
Thuế khác		-	-	-	-
Các khoản phải nộp khác	30	36.774.730	2.820.802.543	504.830.045	2.352.747.228
Các khoản phụ thu	31	-	-	-	-
Các khoản phí, lệ phí	32	23.874.730	2.820.802.543	491.930.045	2.352.747.228
Các khoản khác	33	12.900.000	-	12.900.000	-
Thu điều tiết		-	-	-	-
Các khoản nộp phạt		-	-	-	-
Nộp khác		12.900.000	-	12.900.000	-
Tổng cộng (40 = 10+ 30)	40	2.053.024.505	28.423.185.070	21.622.197.757	8.854.011.818

Thái Nguyên ngày 15 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thu Hoài

Lê Thị Thu Hiền

Nguyễn Văn Dũng

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, Xã La Hiền, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

Nội dung	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	26.886.647.020	1.552.933.863
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	50.091.070.806	51.368.550.760
Các khoản dự phòng	03	(188.975.000)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	139.983.721	1.386.205.094
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(400.761.788)	(1.466.265.640)
Chi phí lãi vay	06	30.167.353.738	39.400.724.457
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	106.695.318.497	92.242.148.534
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	8.399.322.676	(6.943.495.240)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	12.732.809.441	(7.807.614.680)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(38.575.643.125)	32.757.793.314
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(1.403.121.017)	546.566.548
Tiền lãi vay đã trả	13	(30.097.519.209)	(39.471.644.893)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(907.025.252)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	44.690.000	2.100.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(233.720.350)	(256.546.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	56.655.111.661	71.069.307.583
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	(19.341.504)	(435.105.814)
Tiền chi từ mua bán, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	3.335.800.000	1.580.200.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	21.891.185	27.885.574
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.338.349.681	1.172.979.760
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	471.451.221.791	353.736.620.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(538.735.082.129)	(430.983.381.558)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(41.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(67.283.860.338)	(77.288.461.558)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(7.290.398.996)	(5.046.174.215)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	8.699.845.609	13.746.047.085
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	32.610	(27.261)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.409.479.223	8.699.845.609

Thái Nguyên ngày 15 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Thu Hoài

KÊ TOÁN TRƯỞNG

Lê Thị Thu Hiền

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Dũng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên - VVMI tiền thân là Nhà máy xi măng La Hiên, được chuyển đổi cổ phần hóa theo quyết định số 2228/QĐ-HĐQT ngày 19/9/2007 của Chủ tịch hội đồng quản trị Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4600422240 đăng ký lần đầu ngày 01/01/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên lần lượt chứng nhận tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 3, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 21/05/2014. Theo đó, hoạt động của Công ty bao gồm:

- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, véc ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, các vật liệu xây dựng khác);
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng uranium và quặng thorium;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (khai thác quặng bô xít);
- Đúc sắt, thép;
- Đúc kim loại màu;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất các kết cấu kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (công trình công nghiệp);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị dùng trong mạch điện);

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá (hoạt động của trạm xá);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (cho thuê văn phòng, kho bãi);
- Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Công ty có trụ sở chính tại Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 747 người, trong đó số cán bộ quản lý là 60 người.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đặc thù áp dụng trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 16148/BTC-CDKT ngày 20/12/2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý về tài chính, kế toán có liên quan.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013 của Công ty.

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại

001-C
TY
QUAN
SẢN
NAM
NH
TP H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn). Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc ngoại tệ không phải là Đô la Mỹ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ là Đô la Mỹ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của các ngân hàng thương mại tại Công văn hướng dẫn của Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc - Vinacomin số 0011/CMV-KTTKTC là 21.380 VND/USD.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

4.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo giá bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.5.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.5.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.6. Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang đó.



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

4.7. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phần chênh lệch tương ứng.

4.8. Vốn chủ sở hữu

Công ty hoạt động theo Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp số 4600422240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 01/01/2008 và thay đổi lần thứ 3 ngày 21/05/2014, và cho đến ngày kết thúc năm tài chính các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty như sau:

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo Giấy CNKD (VND)	Vốn thực góp (VND)	%
Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc	51.383.000.000	51.383.000.000	100%
Công ty CP Chứng khoán Đông Nam Á	1.000.000.000	1.000.000.000	100%
Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam	7.000.000.000	7.000.000.000	100%
Các cổ đông khác	40.617.000.000	40.617.000.000	100%
Cộng	100.000.000.000	100.000.000.000	100%

4.9. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận như sau:
 - Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá được ghi nhận dựa trên thông báo của ngân hàng và tổ chức tài chính.
 - Doanh thu phát sinh từ lãi chênh lệch tỷ giá được ghi nhận dựa trên ước tính của đơn vị căn cứ vào tỷ giá tại ngày phát sinh các nghiệp vụ (đối với lãi chênh lệch tỷ giá đã thực



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

hiện) và tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính (đối với lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện).

4.10. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định, lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

4.11. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hoá và dịch vụ do Công ty cung cấp chịu thuế giá trị gia tăng theo mức thuế suất 10%

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty tính và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 22%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.12. Khoản phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

4.13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

		<u>31/12/2014</u> (VND)	<u>01/01/2014</u> (VND)
Tiền mặt tại quỹ	(i)	20.345.754	8.505.367.436
Tiền gửi ngân hàng	(ii)	1.389.133.469	194.478.173
Các khoản tương đương tiền		-	-
Cộng		<u>1.409.479.223</u>	<u>8.699.845.609</u>

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2014 bao gồm:

	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Đồng Việt Nam (VND)	-	20.345.754
Cộng	<u>-</u>	<u>20.345.754</u>

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng vào ngày 31/12/2014 bao gồm:

	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Ngoại tệ	459,06 #	9.814.703
<i>Ngoại tệ USD</i>	459,06 #	9.814.703
Đồng Việt Nam (VND)		1.379.318.766
<i>Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh</i> <i>Vượng</i>		3.902.447
<i>Ngân hàng TMCP Công Thương - CN</i> <i>Thái Nguyên</i>		924.768.171
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển</i> <i>Việt Nam - CN Thái Nguyên</i>		212.338.402
<i>Ngân Hàng Phát Triển Bắc Kạn - Thái</i> <i>Nguyên</i>		26.635.233
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển</i> <i>nông thôn Việt Nam - CN Thái Nguyên</i>		96.352.540
<i>Ngân hàng quân đội - CN Thái Nguyên</i>		115.321.973
Cộng	<u>459,06</u>	<u>1.389.133.469</u>



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.2 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>31/12/2014</u> (VND)	<u>01/01/2014</u> (VND)
Bảo hiểm xã hội	344.149.012	-
Phải thu của người lao động	15.930.317	705.543.111
Phải thu khác	115.977.003	37.441.091
Cộng	<u>476.056.332</u>	<u>742.984.202</u>

5.3 Hàng tồn kho

	<u>31/12/2014</u> (VND)	<u>01/01/2014</u> (VND)
Nguyên liệu, vật liệu	32.343.164.175	45.036.935.961
Công cụ, dụng cụ	92.336.992	239.455.416
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	17.769.901.834	17.740.450.307
Thành phẩm	-	9.533.687
Hàng hóa	17.181.733	-
Hàng gửi bán	70.981.196	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>50.293.565.930</u>	<u>63.026.375.371</u>

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả: 0 VND
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: 0 VND
- Trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Không

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.4 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	320.356.143.259	570.117.961.999	38.173.534.215	319.090.909	928.966.730.382
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.665.389.634)	(7.085.385.207)	-	(9.750.774.841)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	320.356.143.259	567.452.572.365	31.088.149.008	319.090.909	919.215.955.541
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư đầu năm	122.296.426.433	214.926.194.265	29.825.282.933	85.800.000	367.133.703.631
- Khấu hao trong năm	14.451.438.412	33.072.621.054	1.782.734.444	63.818.182	49.370.612.092
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.665.389.634)	(4.715.100.887)	-	(7.380.490.521)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	136.747.864.845	245.333.425.685	26.892.916.490	149.618.182	409.123.825.202
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	198.059.716.826	355.191.767.734	8.348.251.282	233.290.909	561.833.026.751
Tại ngày cuối năm	183.608.278.414	322.119.146.680	4.195.232.518	169.472.727	510.092.130.339
Trong đó: - Cầm cố thế chấp:	160.349.319.131	311.754.287.278	4.195.232.519	-	476.298.838.928
- Đã hết KH đang sử dụng	23.407.035.473	36.752.761.489	17.159.294.249	-	77.319.091.211
- Chờ thanh lý	-	-	-	-	-

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bàng, Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.5 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	TSCĐVH Khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	19.826.066.535	1.632.274.438	21.458.340.973
- Mua trong năm	-	-	-
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	19.826.066.535	1.632.274.438	21.458.340.973
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư đầu năm	1.527.859.055	1.632.274.438	3.160.133.493
- Khấu hao trong năm	720.458.714	-	720.458.714
- Tặng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	2.248.317.769	1.632.274.438	3.880.592.207
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	18.298.207.480	-	18.298.207.480
Tại ngày cuối năm	17.577.748.766	-	17.577.748.766

5.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Mỏ đá vôi Đồng Chuông	382.146.783	382.146.783
Trạm phát điện tận dụng nhiệt thừa	-	231.243.115
Kè chắn đá, đất	-	51.692.870
Kho chứa nguyên vật liệu	45.516.062	-
Cộng	427.662.845	665.082.768

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bồng, Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.7 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	(VND)	(VND)
Chi phí đền bù vành đai an toàn Mỏ đá La Hiên	-	211.702.863
Vật tư, phụ tùng thay thế	4.582.196.417	8.168.865.104
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	2.071.609.764	-
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	6.126.699.926	817.885.336
Cộng	12.780.506.107	9.198.453.303

5.8 Tài sản dài hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	(VND)	(VND)
Ký quỹ bảo vệ môi trường	198.609.514	134.004.925
Cộng	198.609.514	134.004.925

5.9 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	(VND)	(VND)
Ngân hàng TMCP Công Thương	39.750.000.000	32.400.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội	30.400.000.000	850.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển	12.600.000.000	2.700.000.000
Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc	15.000.000.000	17.000.000.000
Công ty TNHH MTV Tài chính than	-	27.000.000.000
Cộng	97.750.000.000	79.950.000.000

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014	01/01/2014
	(VND)	(VND)
Thuế Giá trị gia tăng	3.011.990.318	1.850.675.872
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.405.418.354	-
Thuế thu nhập cá nhân	5.031.889	113.758.927
Thuế tài nguyên	78.824.029	51.814.976
Thuế khác	-	12.900.000
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.352.747.228	23.874.730
Cộng	8.854.011.818	2.053.024.505

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.11 Chi phí phải trả

	31/12/2014	01/01/2014
	(VND)	(VND)
Chi phí lãi vay	158.748.750	88.914.221
Chi phí điện năng tiêu thụ	1.065.945.860	2.150.463.210
Phụ cấp Hội đồng quản trị	-	25.526.400
Chi phí phải trả khác	51.000.000	60.000.000
Cộng	1.275.694.610	2.324.903.831

5.12 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	(VND)	(VND)
Kinh phí công đoàn	243.798.915	43.737.001
Cổ tức phải trả	10.021.673.000	21.673.000
Đền bù GPMB kho mìn mỏ đá Đồng Chuông	32.802.015	32.802.015
Nguồn kinh phí Đảng	-	55.758.326
Các khoản phải trả, phải nộp khác	473.564.378	171.251.273
Cộng	10.771.838.308	325.221.615

5.13 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	(VND)	(VND)
Vay dài hạn	241.252.757.345	326.196.538.400
<i>Vay ngân hàng</i>	<i>207.970.996.000</i>	<i>254.157.518.088</i>
NH TMCP Quân đội	625.000.000	1.869.025.000
NH Công thương - CN Thái Nguyên	-	2.172.700.000
NH TMCP Việt Nam Thịnh vượng	10.089.996.000	-
NH TMCP Đầu tư và phát triển	3.207.000.000	15.236.850.000
Ngân hàng phát triển - CN Thái Nguyên	194.049.000.000	234.878.943.088
<i>Vay đối tượng khác</i>	<i>33.281.761.345</i>	<i>72.039.020.312</i>
Công ty TNHH MTV Tài chính than	-	15.855.708.000
Tổng công ty CN mỏ Việt Bắc	31.780.188.435	55.183.312.312
Tỉnh ủy tỉnh Thái Nguyên	1.000.000.000	1.000.000.000
Vay cán bộ công nhân viên	501.572.910	-
Nợ dài hạn	-	-
Cộng	241.252.757.345	326.196.538.400

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Khoản vay Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc - VVMI bao gồm 02 hợp đồng vay bằng VND với tổng dư nợ vay 20.000.000.000 đồng và 05 hợp đồng vay bằng USD với tổng số dư gốc vay là 550.911,04 USD tương đương với 11.780.188.435 đồng (trong đó vay dài hạn đến hạn trả trong là 31.780.188.435 đồng). Các khoản vay này có thời hạn 5 năm, lãi suất thả nổi tùy từng thời điểm theo thông báo lãi của Tập đoàn.

Khoản vay của Tỉnh ủy Thái Nguyên bao gồm 01 hợp đồng vay bằng VND số dư gốc vay là 1.000.000.000 VND (trong đó vay dài hạn đến hạn trả là 0 đồng), thời hạn vay 3 năm lãi suất theo thông báo lãi của Ngân hàng TMCP công thương thái nguyên, mục đích vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, hình thức đảm bảo tiền vay tín chấp.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội bao gồm 04 hợp đồng vay với tổng số dư nợ vay tại ngày 31/12/2014 là 625.000.000 đồng (trong đó vay dài hạn đến hạn trả là 312.500.000 đồng). Khoản vay này có thời hạn vay là 4 năm lãi suất thả nổi theo từng thời điểm, mục đích vay vốn là đầu tư tài sản, Hình thức đảm bảo tiền vay: tài sản hình thành từ vốn vay.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Thái Nguyên bao gồm 01 hợp đồng vay bằng VND với tổng số dư nợ vay tại ngày 31/12/2014 là 3.207.000.000 đồng (trong đó vay dài hạn đến hạn trả là 3.207.000.000 đồng). Khoản vay này có thời hạn vay là 9 năm, lãi suất thả nổi tùy từng thời điểm, hình thức đảm bảo tiền vay: tài sản hình thành từ vốn vay.

Khoản vay của Ngân hàng Phát triển - Chi nhánh Thái Nguyên bao gồm 01 hợp đồng vay, trong đó, khoản vay bằng VND với tổng dư nợ vay tại ngày 31/12/2014 là 171.600.000.000 đồng và khoản vay bằng USD với dư nợ vay tại ngày 31/12/2014 là 1.050.000 USD tương đương với 22.449.000.000 đồng (trong đó vay dài hạn đến hạn trả là 43.414.130.000 đồng). Khoản vay này có thời hạn vay là 9 năm, với 2 mức lãi suất cố định cho khoản vay VNĐ là 8,4% /năm, và 11,4% năm; còn đối với khoản vay USD là 7,8% năm. Hình thức đảm bảo tiền vay: tài sản hình thành từ vốn vay.

Khoản vay CBCNV trong công ty bao gồm 01 hợp đồng vay của Ông Nông Nhật Ba, khoản vay bằng VND với tổng dư nợ vay tại ngày 31/12/2014 là 501.572.910 đồng (trong đó vay dài hạn đến hạn trả là 501.572.910 đồng). Thời hạn vay 13 tháng với lãi suất thả nổi điều chỉnh vào cuối mỗi quý theo lãi suất của ngân hàng Công thương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.14 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>CL tỷ giá hối đoái</i>	<i>Quỹ ĐT PT</i>	<i>Quỹ DP tài chính</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	464.476.156	-	3.963.346.758	3.146.199.336	(9.948.772.918)	97.625.249.332
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	1.552.933.863	1.552.933.863
Tăng khác	-	-	2.422.762.048	-	-	-	2.422.762.048
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(2.422.762.048)	-	-	-	(2.422.762.048)
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	100.000.000.000	464.476.156	-	3.963.346.758	3.146.199.336	(8.395.839.055)	99.178.183.195
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	22.606.125.914	22.606.125.914
Tăng khác	-	-	-	3.146.199.336	-	-	3.146.199.336
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	1.263.086.057	-	(4.210.286.859)	(2.947.200.802)
Giảm khác	-	-	-	-	(3.146.199.336)	(10.000.000.000)	(13.146.199.336)
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000	464.476.156	-	8.372.632.151	-	-	108.837.108.307

Công ty đang tạm phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết họp Hội đồng quản trị số 08/NQ-HĐQT ngày 16/02/2015.



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Vốn góp của Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc - Vinacomin	51.383.000.000	51.383.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	48.617.000.000	48.617.000.000
Cộng	100.000.000.000	100.000.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu:

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn đầu tư đầu năm	100.000.000.000	100.000.000.000
Vốn đầu tư tăng trong năm	-	-
Vốn đầu tư giảm trong năm	-	-
Vốn đầu tư cuối năm	100.000.000.000	100.000.000.000

Cổ phiếu

	Năm 2014	Năm 2013
Số lượng CP đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng CP đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Các quỹ của Công ty

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	8.372.632.151	3.963.346.758
Quỹ dự phòng tài chính	-	3.146.199.336
Cộng	8.372.632.151	7.109.546.094

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để tái đầu tư sản xuất, dự phòng rủi ro tài chính

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp d.vụ	575.306.633.936	584.026.934.391
Doanh thu bán hàng	575.198.647.573	581.679.143.928
Doanh thu cung cấp dịch vụ	107.986.363	2.347.790.463

6.2 Doanh thu thuần

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
D. thu thuần về bán hàng và cung cấp d.vụ	575.306.633.936	584.026.934.391
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm HH	575.198.647.573	581.679.143.928
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	107.986.363	2.347.790.463

6.3 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Giá vốn thành phẩm đã bán	493.705.972.393	494.627.165.338
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	107.986.363	2.305.824.089
Cộng	493.813.958.756	496.932.989.427

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	21.891.185	29.992.913
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.883.430	70.501.121
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	518.278.477
Cộng	32.774.615	618.772.511

6.5 Chi phí tài chính

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Lãi tiền vay	30.167.353.738	39.400.724.457
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	647.247.034	198.999.768
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	139.983.721	1.904.483.571
Cộng	30.954.584.493	41.504.207.796

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

6.6 Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.280.521.106	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH năm nay	-	-
Cộng	4.280.521.106	-

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.886.647.020
Các khoản điều chỉnh tăng:	966.106.155
<i>Các khoản chi phí không được trừ</i>	<i>966.106.155</i>
Tổng thu nhập chịu thuế	27.852.753.175
Khoản lỗ được kết chuyển	8.395.839.055
Tổng thu nhập tính thuế	19.456.914.120
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	4.280.521.106
Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	4.280.521.106

6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2014 VND	Năm 2013 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	392.763.326.894	433.806.836.447
Chi phí nhân công	66.983.383.327	61.278.307.432
Chi phí khấu hao TSCĐ	50.091.070.806	51.368.550.760
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.440.197.578	9.373.435.087
Chi phí khác bằng tiền	46.236.694.043	54.535.649.152
Cộng	569.514.672.648	610.362.778.878

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	22.606.125.914	1.552.933.863
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	22.606.125.914	1.552.933.863
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.261	155

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

6.9 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty không đầu tư cổ phiếu nên không có rủi ro về giá cổ phiếu.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Ngày 31/12/2014			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.409.479.223	-	1.409.479.223
Phải thu khách hàng	22.473.402.830	-	22.473.402.830
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	608.888.332	-	608.888.332
Tài sản tài chính khác	246.302.231	-	246.302.231
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	391.999.809	-	391.999.809
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	24.346.072.807	-	24.346.072.807

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Ngày 31/12/2014			
Các khoản vay và nợ	97.750.000.000	241.252.757.345	339.002.757.345
Phải trả người bán	104.508.959.669	24.000.000.000	128.508.959.669
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	36.234.668.520	-	36.234.668.520
Tổng cộng	238.493.628.189	265.252.757.345	503.746.385.534
Chênh lệch thanh khoản thuần	(214.147.555.382)	(265.252.757.345)	(479.400.312.727)
Ngày 01/01/2014			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.699.845.609	-	8.699.845.609
Phải thu khách hàng	30.800.039.220	-	30.800.039.220
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	742.984.202	-	742.984.202
Tài sản tài chính khác	2.229.819.509	9.332.458.228	11.562.277.737
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(203.024.809)	-	(203.024.809)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	42.269.663.731	9.332.458.228	51.602.121.959
Ngày 01/01/2014			
Các khoản vay và nợ	79.950.000.000	326.196.538.400	406.146.538.400
Phải trả người bán	28.485.892.693	149.682.518.716	178.168.411.409
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	11.908.779.174	-	11.908.779.174
Tổng cộng	120.344.671.867	475.879.057.116	596.223.728.983
Chênh lệch thanh khoản thuần	(78.075.008.136)	(466.546.598.888)	(544.621.607.024)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	22.473.402.830	30.800.039.220	22.473.402.830	30.800.039.220
<i>Các khoản phải thu khác</i>	608.888.332	742.984.202	608.888.332	742.984.202
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Đầu tư dài hạn</i>	-	-	-	-
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	1.409.479.223	8.699.845.609	1.409.479.223	8.699.845.609
Tổng cộng	24.491.770.385	40.242.869.031	24.491.770.385	40.242.869.031
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính				
<i>Vay và nợ</i>	339.002.757.345	406.146.538.400	339.002.757.345	406.146.538.400

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
<i>Phải trả người bán</i>	128.508.959.669	178.168.411.409	128.508.959.669	178.168.411.409
<i>Phải trả khác</i>	36.234.668.520	11.908.779.174	36.234.668.520	11.908.779.174
Tổng cộng	<u>503.746.385.534</u>	<u>596.223.728.983</u>	<u>503.746.385.534</u>	<u>596.223.728.983</u>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2014 và ngày 31/12/2013. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

6.10 Báo cáo bộ phận

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là bán xi măng, clinker. Do đó, công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại khu vực Miền Bắc nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên có liên quan

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam/Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc - Vinacomin và các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn/Tổng Công ty được nhận biết là các bên có liên quan của Công ty.

Thu nhập trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 của các thành viên của HĐQT và Ban Giám đốc:

	Năm 2014
	(VND)
Lương thưởng của Ban Giám đốc	1.504.000.000
Thù lao của Hội đồng Quản trị	168.543.900

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và các giao dịch với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ biểu 01-Vinacomin: Báo cáo doanh thu nội bộ trong Tập đoàn Vinacomin;
- Phụ biểu 17 - Vinacomin: Báo cáo vật tư, hàng hóa, than và dịch vụ mua nội bộ Tập đoàn.
- Phụ biểu 18-Vinacomin: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả trong nội bộ Tập đoàn.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

7.2 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7.3 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần xi măng La Hiên - VVMI đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng Kiểm toán AASC Việt Nam.

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Thu Hoài

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Thị Thu Hiền

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Dũng

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, Xã La Hiến, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

BẢNG KÊ VẬT TƯ HÀNG HÓA, THAN VÀ DỊCH VỤ MUA NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

TT	Mã KH	Tên đơn vị bán	Đơn vị tính	Mua trong năm			Tồn cuối năm		
				Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (VND)	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (VND)
A		B	C	1	2	3	4	5	6
1		Trong nội bộ Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc		5.946,77	996.902,67	56.027.893.340	-	-	-
1		Công ty CP vật liệu xây dựng & kinh doanh tổng hợp - VVMI		5.946,77	996.903	5.928.350.910	-	-	-
		Thạch cao		5.946,77	996.903	5.928.350.910	-	-	-
2		Công ty cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI		-	-	2.238.709.470	-	-	-
		Phụ tùng máy móc		-	-	1.960.444.672	-	-	-
		Sửa chữa tài sản		-	-	278.264.798	-	-	-
3		Khách sạn Thái Nguyên - VVMI		-	-	95.960.000	-	-	-
		Thuê phòng		-	-	95.960.000	-	-	-
4		Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI		-	-	47.189.255.000	-	-	-
		Vỏ bao		-	-	47.189.255.000	-	-	-
5		Công ty TNHH MTV Công nghiệp hóa chất mỏ Việt Bắc		-	-	575.617.960	-	-	-
		Vật tư		-	-	575.617.960	-	-	-
6		Công ty than Núi Hồng - VVMI		-	-	61.922.729	-	-	-
7		Công ty cổ phần xuất nhập khẩu		-	-	302.400.000	-	-	-
8		Trung tâm điều dưỡng ngành than		-	-	423.500.000	-	-	-

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

BẢNG KÊ VẬT TƯ HÀNG HÓA, THAN VÀ DỊCH VỤ MUA NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

TT	Mã KH	Tên đơn vị bán	Đơn vị			Mua trong năm		Tồn cuối năm		
			tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (VND)	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (VND)	
A		B	C	1	2	3	4	5	6	
II		Trong nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam		89.901,50	1.343.987	122.682.503.091	-	-	-	
1		Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam		89.901,50	1.343.987	120.826.483.861	-	-	-	
		Than cám		89.901,50	1.343.987	120.826.483.861	-	-	-	
2		Trường cao đẳng nghề mỏ Hồng Cẩm		-	-	48.530.000	-	-	-	
		Đào tạo		-	-	48.530.000	-	-	-	
3		Chi nhánh Công ty cổ phần vật tư - XN vật tư Hòn Gai		-	-	1.807.489.230	-	-	-	
		Dầu mỡ phụ		-	-	1.807.489.230	-	-	-	
		Tổng Cộng		5.946,77	996.903	178.710.396.431	-	-	-	

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hoài

Kế toán Trưởng

Lê Thị Thu Hiền

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 03 năm 2015

Giám đốc



Nguyễn Văn Dũng



BÁO CÁO DOANH THU NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

STT	Tên khách hàng	Đơn vị	Doanh thu		Giá trị (VND)
			Số lượng	Đơn giá	
A	B	C	1	2	3
	Trong nội bộ Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc	Tấn	5.160,00		5.059.859.094
	Công ty cổ phần ĐT & XD - VVMI	Tấn	8,00	1.090.909	8.727.273
	Công ty cổ phần xi măng Quán Triều - VVMI	Tấn	76,00	790.909	60.109.091
	Công ty CP SX &KD vật tư thiết bị - VVMI	Tấn	2.489,00	983.139	2.447.031.821
	Công ty cổ phần vật liệu xây dựng & KD tổng hợp - VVMI	Tấn	2.587,00	983.375	2.543.990.909
	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu				2.806.932.713
	Công ty than Na Dương - VVMI				1.306.000
	Công ty cơ khí mỏ Việt Bắc				111.890.000
	Công ty xi măng Tân Quang				837.566.400
	Trong nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam		634,00	1.196.724	758.722.727
	Công ty công nghiệp hóa chất mỏ Việt Bắc - Vinacomin	Tấn	634,00	1.196.724	758.722.727
	TỔNG CỘNG		5.794,00		7.697.429.377

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Thị Thu Hoài

Lê Thị Thu Hiền

Nguyễn Văn Dũng

BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
 Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Các khoản công nợ						
		131	331	335	311	336	338	341
A	B	1	2			3	4	4
A	NỢ PHẢI THU	621.836.600	-	-	-	-	-	-
I	CÁC KHOẢN NỢ NGẮN HẠN	621.836.600	-	-	-	-	-	-
I.1	Trong nội bộ Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc	621.836.600	-	-	-	-	-	-
1	Cty TNHH một thành viên than Khánh hoà - VVMI	620.400.000	-	-	-	-	-	-
2	Công ty than Na Dương - VVMI	1.436.600	-	-	-	-	-	-
I.2	Trong nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	-	-	-	-	-	-	-
II	CÁC KHOẢN NỢ DÀI HẠN	-	-	-	-	-	-	-
B	NỢ PHẢI TRẢ	-	109.682.086.584	-	15.000.000.000	886.059.451	32.802.015	31.780.188.435
I	CÁC KHOẢN NỢ NGẮN HẠN	-	85.682.086.584	-	15.000.000.000	886.059.451	32.802.015	-
I.1	Trong nội bộ Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc	-	10.911.136.913	-	15.000.000.000	886.059.451	-	-
1	Công ty cổ phần SX và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	-	8.645.929.697	-	-	-	-	-
2	Công ty cổ phần vật liệu XD & KD tổng hợp VVMI	-	1.295.107.000	-	-	-	-	-
3	Công ty cổ phần cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	-	967.004.216	-	-	-	-	-
4	Công ty than Núi Hồng - VVMI	-	3.096.000	-	-	-	-	-
5	Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc	-	-	-	15.000.000.000	886.059.451	-	-
I.2	Trong nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	-	74.770.949.671	-	-	-	32.802.015	-
1	Công ty kho vận và cảng Cẩm Phả - Vinacomín	-	74.591.650.963	-	-	-	-	-
2	Viện khoa học công nghệ mỏ	-	179.298.708	-	-	-	-	-

BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VNĐ

TT	Tên đơn vị	Các khoản công nợ						
		131	331	335	311	336	338	341
A	B	1	2			3	4	4
3	Công ty TNHH MTV Công nghiệp hóa chất mỏ Việt Bắc	-	-	-	-	-	32.802.015	-
II	CÁC KHOẢN NỢ DÀI HẠN	-	24.000.000.000	-	-	-	-	31.780.188.435
II.1	Trong nội bộ Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc	-	-	-	-	-	-	31.780.188.435
1	Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc	-	-	-	-	-	-	31.780.188.435
II.2	Trong nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	-	24.000.000.000	-	-	-	-	-
2	Công ty kho vận và cảng Cẩm Phả - Vinacomin	-	24.000.000.000	-	-	-	-	-

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hoài

Kế toán trưởng

Lê Thị Thu Hiền



Thái Nguyên, ngày 15 tháng 03 năm 2015

Giám đốc

Nguyễn Văn Dũng